

CTCP SỮA VIỆT NAM (HSX: VNM)

VNM – KỶ VỌNG HỒI PHỤC VÀO GIAI ĐOẠN CUỐI NĂM 2023, TIẾP TỤC CHÍNH SÁCH CHI TRẢ CỔ TỨC CAO

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP:

- Vinamilk hiện là công ty top 1 ngành sữa Việt Nam theo thị phần với hơn 146.000 số lượng bò sữa đang khai thác (gồm hệ thống nông trại và hợp tác), 15 trang trại tại Việt Nam và Lào, và hiện đang được định giá 2,8 tỷ USD giá trị thương hiệu trong năm 2022 (tăng 18% so với cùng kỳ).
- Vinamilk hiện tập trung vào ba mảng kinh doanh chính đó là: Sản xuất bán, và buôn các sản phẩm từ sữa; sản xuất và buôn bán đồ uống, chăn nuôi bò sữa, cung cấp các nguyên liệu để sản xuất sữa. Hiện tại các chi nhánh, cửa hàng của Vinamilk đã có mặt trên khắp 64 tỉnh thành, đặc biệt là các thành phố lớn của Việt Nam. Bên cạnh đó, công ty cũng tiến hành mở rộng thị trường của mình sang các nước trên thế giới như Campuchia, Lào, Trung Quốc và Mỹ.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ:

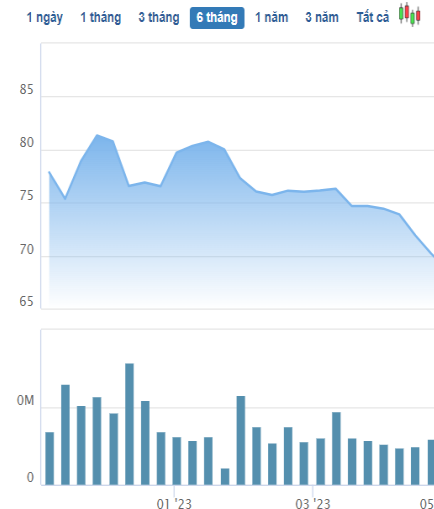
- Vinamilk tiếp tục nằm trong danh sách 10 công ty lớn nhất Việt Nam và là công ty dẫn đầu trong ngành sản xuất đồ uống, các sản phẩm từ sữa, với thị phần đạt khoảng 50%, trong đó theo báo cáo thường niên Vinamilk sẽ hướng tới thị phần 56% vào năm 2026.
- Vinamilk tiếp tục duy trì chính sách chi trả cổ tức bằng tiền mặt đều đặn hàng năm với mức chi trả khoảng 40% tính trên mệnh giá, với trung bình 3 đợt chi trả cổ tức trong năm, tương đương tỷ suất cổ tức là trung bình đạt 4-5%/năm. Trong năm 2022, công ty sẽ chi trả cổ tức đạt 3.850 đồng/cổ phiếu, lần cuối là vào tháng 8/2023.
- Vinamilk đang tìm kiếm cơ hội tăng trưởng doanh thu bằng cách xuất khẩu các sản phẩm sữa của mình, trong đó có thị trường đông dân nhất thế giới là Trung Quốc. Bên cạnh đó Vinamilk cũng đang tham gia vào thị trường sản xuất thịt bò với dự kiến doanh thu đạt 2.000 tỷ đồng khi đi vào hoạt động.

RỦI RO:

- Cạnh tranh khốc liệt đến từ thị phần sữa trong nước giữa các công ty nội địa và công ty nước ngoài, khiến cho thị phần Vinamilk bị ảnh hưởng và khó có thể gia tăng thị phần;
- Vinamilk vẫn đang phụ thuộc vào giá nguyên vật liệu đầu vào bao gồm sữa bột và đường thế giới, dẫn đến biên lợi nhuận có thể bị ảnh hưởng mạnh nếu giá mặt hàng nguyên liệu tăng cao.

ĐỊNH GIÁ:

- Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá gồm DCF và so sánh P/E, với trọng số tương đương nhau. Giá trị cổ phiếu VNM được xác định ở mức 79.700 đồng/cổ phần.



Đồ thị giá 52 tuần của VNM

Nguồn: CafeF tổng hợp

Khuyến nghị*	MUA
Giá đóng cửa (27/06/2023):	69.600
Giá mục tiêu*	79.700
Upside	15%
Ngành	Tiêu dùng
Vốn hóa thị trường	143.788 tỷ đồng
Biến động giá 52T	2%
Khối lượng GDBQN	1,6 triệu
Giá trị GDBQN	157 tỷ đồng
KLCP đang lưu hành	2.089 triệu
Tỷ lệ free-float	~10%
Tỷ lệ sở hữu nhà nước	36%
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	55,63%

* Cập nhật: 05/05/2023

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu	56.318	59.636	60.919	59.956	62.350
LN gộp	26.572	27.668	26.278	23.897	25.564
LN ròng	10.581	11.098	10.532	8.516	8.772
Tổng tài sản	44.699	48.432	53.332	48.482	49.400
Vốn CSH	29.731	33.647	35.850	32.816	33.900
EPS cuối kỳ (VNĐ/CP)	5.477	5.311	5.040	4.075	4.130
Giá trị sổ sách	32.800	35.600	35.000	31.641	32.000

Chỉ số tài chính	2019	2020	2021	2022	2023F
% Doanh thu	7,6%	5,3%	1,7%	-1,7%	5%
% LNST	17,8%	18,6%	16,6%	13,5%	13,9%
Tỷ suất LN gộp	46%	45,7%	43,3%	38,9%	40,3%
ROA	25,79%	23,83%	20,7%	16,73%	17,75%
ROE	37,79%	35,02%	30,31%	24,8%	24,4%
PE	12,69	13,09	13,79	17,06	19
PB	0,96	0,89	0,91	1,0	1,0

KỶ VỌNG BIÊN LỢI NHUẬN GỘP CẢI THIẾN TRONG NĂM 2023

- Vinamilk trải qua năm 2022 đầy khó khăn do áp lực từ việc tăng giá nguyên liệu, (ghi nhận tăng từ 30-50%), cùng với chi phí vận chuyển logistic vẫn đang duy trì ở mức cao so với các nước trên thế giới (ước tính khoảng 20% GDP), trong khi giá bán tăng khoảng 3%. Điều này làm biên lợi nhuận gộp bị thu hẹp so với năm trước (2021), trong khi tổng doanh thu ghi nhận sụt giảm nhẹ. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá đây là khó khăn chung của ngành sữa trong năm 2022, khi theo báo cáo của hiệp hội sữa Việt Nam hầu hết các doanh nghiệp sữa đều tăng giá bán của mình thêm 3-5% để làm giảm áp lực chi phí sản xuất, bào mòn lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Tổng doanh thu Q1/2023 của Vinamilk ghi nhận đạt 13.954 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế giảm khoảng 16,5% so với cùng kỳ 2022 do một số yếu tố sau:

(1) Q1/2022, Vinamilk đang được hưởng lợi từ nền giá nguyên liệu thấp của năm 2021, trong khi Q1/2023 công ty vẫn đang chịu ảnh hưởng từ giá nguyên liệu lập đỉnh trong giai đoạn năm 2022.

(2) Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp tăng 10% svck do ảnh hưởng từ lạm phát, cũng như việc tăng quảng cáo, tiếp thị để kích cầu tiêu dùng nội địa.

- Chúng tôi dự báo nửa cuối năm 2023, VNM sẽ được hưởng lợi từ việc giá nguyên liệu giảm: (1) giá sữa bột giảm mạnh và đang ở nền giá thấp của 5 năm, hiện tại đang được ghi nhận ở mức giá 3.230 (USD/MT,FAS), giảm 32% svck, (2) giá đường dự báo giảm 12% do nguồn cung từ Brazil tăng trở lại (theo Reuters), cho dù đường đóng góp không đáng kể vào cơ cấu nguyên vật liệu. Ngoài ra, VNM còn có một công ty con là Vietsugar trong chuỗi cung ứng của mình nên có thể kiểm soát ổn định giá đường.

BIỂU ĐỒ 1: BIẾN ĐỘNG GIÁ SỮA BỘT NGUYÊN KEM VÀ SỮA BỘT GẦY



BIỂU ĐỒ 2: BIẾN ĐỘNG GIÁ ĐƯỜNG



GIÁ VỐN HÀNG BÁN CẢI THIỆN NHỜ TỰ CHỦ MÔ HÌNH PHÁT ĐIỆN VÀ GIÁ DẦU GIẢM

- Chúng tôi đánh giá, giá điện tăng 3% có tác động đến giá vốn hàng bán của Vinamilk, tuy nhiên tác động này là không đáng kể. Do chi phí chính vẫn là thức ăn (chiếm khoảng 60-70%), chi phí nhân công. VNM là một trong những công ty theo đuổi mô hình ESG để phát triển bền vững từ lâu, bằng việc sử dụng năng lượng tái tạo, điện mặt trời tại các trang trại nuôi bò sữa của mình. Tính tới thời điểm hiện tại, Vinamilk đã trang bị được hệ thống điện mặt trời tại 12 trang trại bò sữa của mình, theo ước tính có thể giúp tái tạo gần 70 triệu kwh điện mỗi năm (tỷ lệ sử dụng năng lượng xanh và sạch trong hoạt động sản xuất đạt 87%). Do vậy khi giá điện tăng sẽ không quá ảnh hưởng tới chi phí vận hành mà Vinamilk phải trả.
- Giá xăng dầu giảm theo chúng tôi đánh giá có thể là tín hiệu tích cực đối với Vinamilk khi chi phí logistic sẽ thấp hơn do trong năm 2022 biên lợi nhuận Vinamilk bị thu hẹp một phần từ chi phí vận chuyển tăng đến từ áp lực từ giá xăng dầu tăng cao, tuy nhiên, tác động chỉ có thể rõ ràng, nếu giá xăng dầu neo giá ở vùng giá thấp trong dài hạn do (1) các công ty lớn như Vinamilk thường ký hợp đồng và chốt giá dài hạn, thường là 3 tháng, (2) áp lực từ biến động, nguồn cung dầu thô thế giới có thể khiến giá xăng dầu trong nước bật tăng trở lại, hiện tại các tổ chức trên thế giới đang dự báo giá dầu thô có thể chạm phức 95-100 USD trong năm nay.

BIỂU ĐỒ 3: BẢNG GIÁ ĐIỆN BẬC THANG NĂM 2023



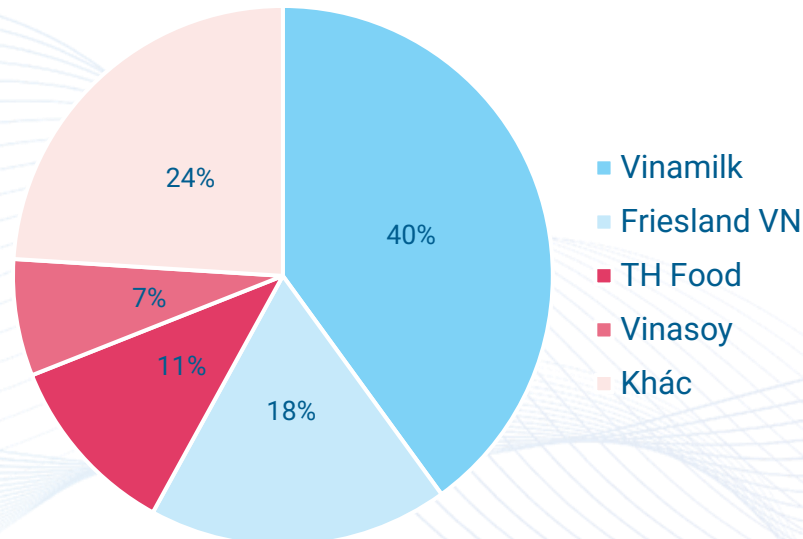
BIỂU ĐỒ 4: DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ TRONG NĂM 2023



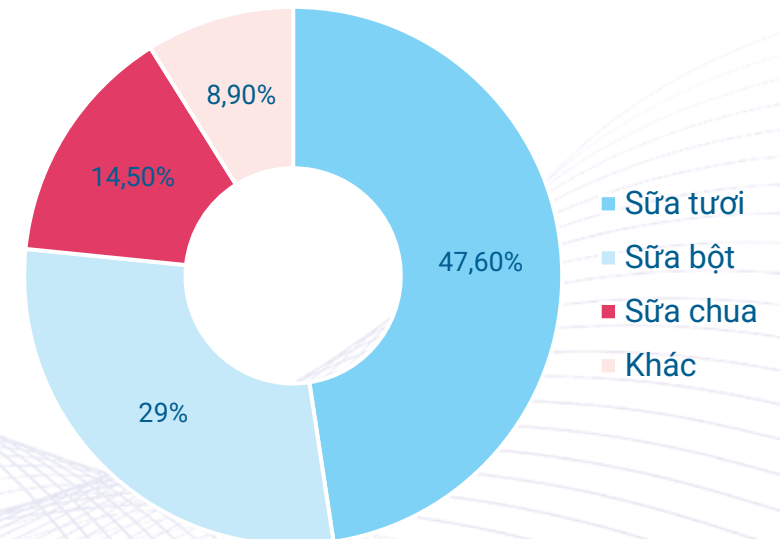
THỊ PHẦN NGÀNH SỮA TIẾP TỤC CẠNH TRANH KHỐC LIỆT

- Với sản phẩm sữa đặc thì Vinamilk đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường nội địa với hai sản phẩm chính là sữa đặc và Ngôi Sao Phương Nam, bên cạnh đó các đối thủ cạnh tranh cũng không tập trung vào mảng thị phần này do nhu cầu của thị trường là không lớn. Tuy nhiên với các sản phẩm chính khác là sữa tươi, sữa chua và sữa bột có sự cạnh tranh khốc liệt từ các sản phẩm nhập ngoại và từ chính các đối thủ trong nước như TH True Milk, Nutifood, Dutch Lady.
- Nguyên nhân dẫn đến sự cạnh tranh ở mảng thị phần này một phần là do các sản phẩm từ công ty khác đa dạng mẫu mã, chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh, một phần là do thị hiếu người tiêu dùng khi họ không quá khắt khe về sự lựa chọn các sản phẩm thay thế, cũng như vấn đề về giá, bên cạnh đó, các đối thủ cạnh tranh của Vinamilk cũng là những tên tuổi lớn trên thị trường trong và ngoài nước, đã xây dựng được niềm tin về chất lượng ở thị trường Việt Nam một thời gian dài.
- Nhằm tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường sữa, trong năm 2022, Vinamilk đã nghiên cứu 15 sản phẩm mới, cải tiến 40 sản phẩm, 16 sản phẩm xuất khẩu từ nhiều phân khúc từ phổ thông đến cao cấp, tính đến hiện tại công ty có gần 250 sản phẩm từ sữa các loại, tiếp tục dẫn đầu là công ty sữa với thị phần số 1 trong nước.
- Đồng thời, hệ thống phân phối của Vinamilk cũng đạt hơn 230.000 điểm trên toàn quốc, trong đó có gần 650 cửa hàng Giấc Mơ Sữa Việt, nhằm giúp đưa các sản phẩm của mình đến tay người tiêu dùng một cách nhanh nhất. Hoạt động bán hàng phủ khắp tất cả các tỉnh thành, sự đa dạng trong kênh phân phối được chúng tôi đánh giá là lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ trong ngành. Ngoài ra, Vinamilk còn xuất khẩu các sản phẩm của mình tới gần 60 quốc gia trên thế giới, và tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận của mình trong những năm gần đây.

BIỂU ĐỒ 5: THỊ PHẦN NGÀNH SỮA TẠI VIỆT NAM 2022



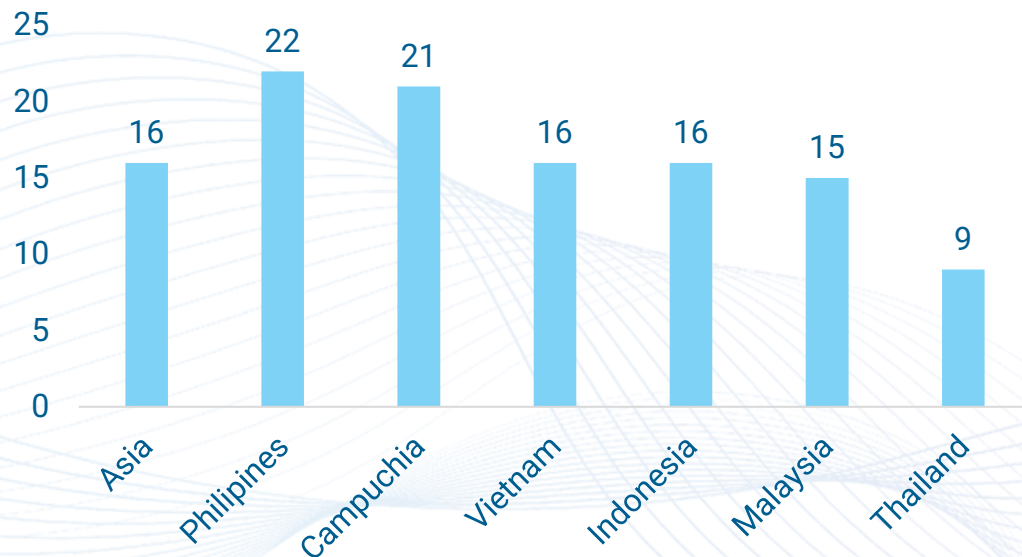
BIỂU ĐỒ 6: CƠ CẤU DOANH THU CỦA THỊ TRƯỜNG SỮA VIỆT NAM



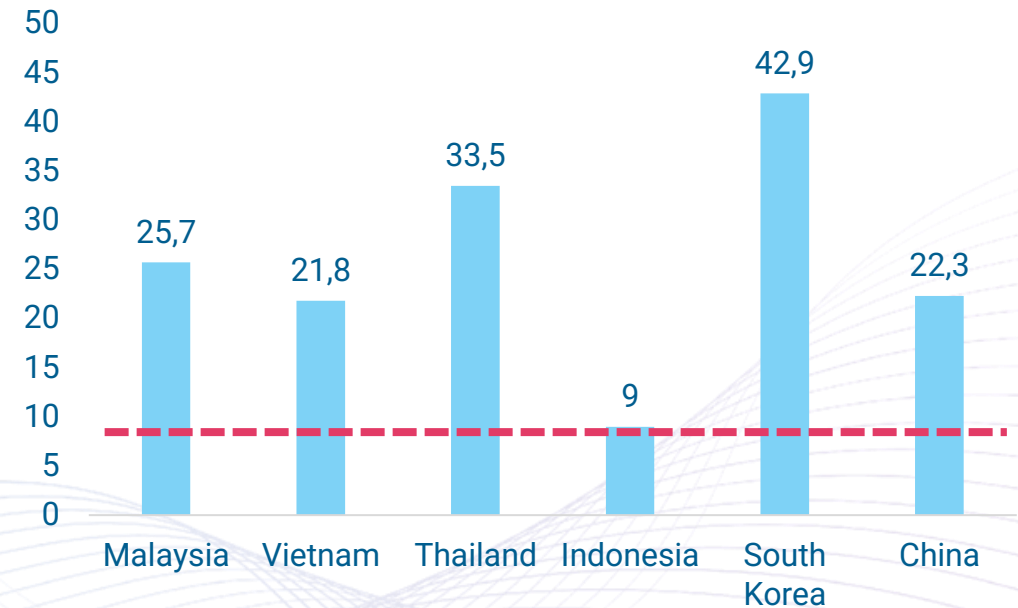
TIÊU THỤ SỮA ĐẦU NGƯỜI VẪN CÒN THẤP SO VỚI CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC

- Hiện tại tỷ lệ sinh của Việt Nam hiện đang trong top 3 khu vực châu Á, tuy nhiên vẫn còn thấp so với một số nước trong khu vực như Philippines (22%), Campuchia (21%), với tỷ lệ sinh cao, khoảng 1 triệu trẻ em chào đời mỗi năm, dự kiến nhu cầu về sữa sẽ tiếp tục tăng cao trong thời gian tới. Bên cạnh đó, việc nhận thức về dinh dưỡng ở lứa tuổi thanh thiếu niên ngày càng được nâng lên làm tăng nhu cầu về sữa trong nước. Vinamilk là một trong những công ty tiên phong trong ngành sữa với chương trình “Sữa học đường” đã góp phần nâng cao nhận thức về sức khỏe đối với học sinh, cũng như giúp phụ huynh yên tâm về nguồn gốc, chất lượng sữa được cung cấp cho trường học, đồng thời cũng giảm gánh nặng chi phí mua sữa cho phụ huynh.
- Tiêu thụ sữa đầu người tại nước ta vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của thế giới. Khi tiêu thụ đầu người được ước tính khoảng 21,8 kg sữa/năm, ước tính thấp hơn khoảng 18% so với mặt chung của các nước trong khu vực, trong đó Malaysia đạt 25,7 kg sữa/năm, Thái Lan là 33,5 kg sữa/năm, Trung Quốc là 22,3 kg sữa/năm. Chúng tôi ước tính trong thời gian tới, tiêu thụ sữa của Việt Nam tiếp tục sẽ tăng cao, khoảng 7-8% mỗi năm (theo ước tính của Vietnam Dairy) và sẽ đạt mức tiêu thụ khoảng 40 lít/người vào năm 2030 (Research and Markets) đồng thời tiệm cận với mặt bằng chung của các nước trong khu vực.

BIỂU ĐỒ 7: TỶ LỆ SINH CỦA CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC CHÂU Á (%)



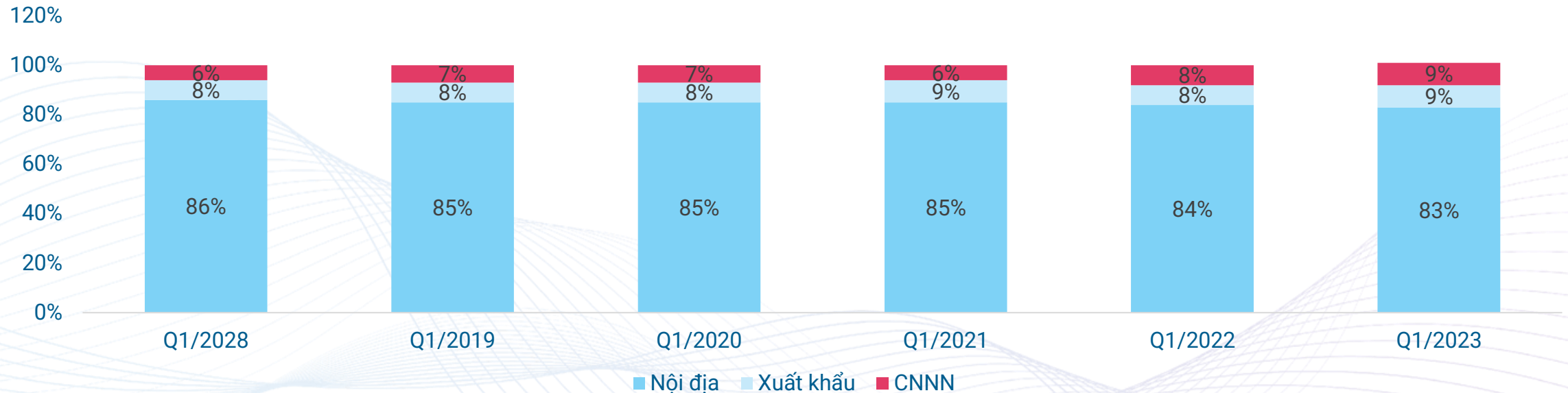
BIỂU ĐỒ 8: TIÊU THỤ SỮA BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI (KG)



DOANH THU 1H2023 TĂNG NHẸ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

- Tổng doanh thu hợp nhất của Vinamilk tại thời điểm hết Q1/2023 đạt 13.954 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước, và hoàn thành 22% chỉ tiêu kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu đến từ thị trường nội địa hợp nhất đạt 11.490 tỷ đồng và nước ngoài đạt hơn 2.400 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong cơ cấu doanh thu, thì tỷ trọng doanh thu từ các thị trường thay đổi không đáng kể so với các năm trước đó. Chúng tôi ước tính, doanh thu của Vinamilk sẽ được cải thiện trong giai đoạn còn lại của năm, do công ty được hưởng lợi từ giá nguyên liệu sữa bột đang ở vùng thấp, tuy nhiên doanh thu xuất khẩu cũng như ở chi nhánh nước ngoài sẽ không biến động mạnh (khoảng 9%).
- Công ty con của Vinamilk là Bò Sữa Mộc Châu (MCM) ghi nhận doanh thu đạt hơn 730 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ, đồng thời hoàn thành 21,3% kế hoạch của năm. Tại thị trường nước ngoài, Vinamilk cũng ghi nhận tăng trưởng doanh thu thuần 9,4% với cùng kỳ năm trước, đặc biệt công ty cũng đã ký kết thành công hợp đồng xuất khẩu lớn với tổng giá trị 100 triệu USD để phục vụ nhu cầu sữa tại thị trường Trung Đông. Doanh thu thuần tại các chi nhánh nước ngoài đạt hơn 1.200 tỷ đồng, tiếp tục tăng trưởng 11,3% so với cùng kỳ nhờ hoạt động kinh doanh ổn định của Driftwood tại thị trường Mỹ và AngkorMilk tại Campuchia (tăng lần lượt 7% và 11% so với năm 2022).

BIỂU ĐỒ 9: CƠ CẤU DOANH THU CỦA VINAMILK

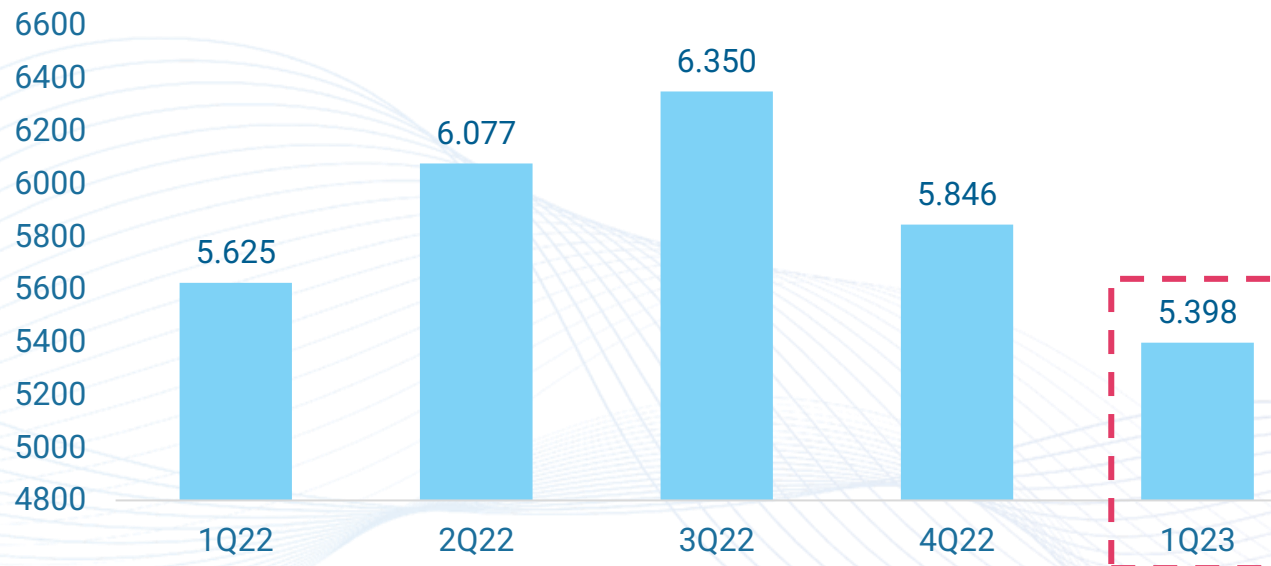


BIÊN LỢI NHUẬN VẪN ĐANG CÒN CHỊU NHIỀU ÁP LỰC

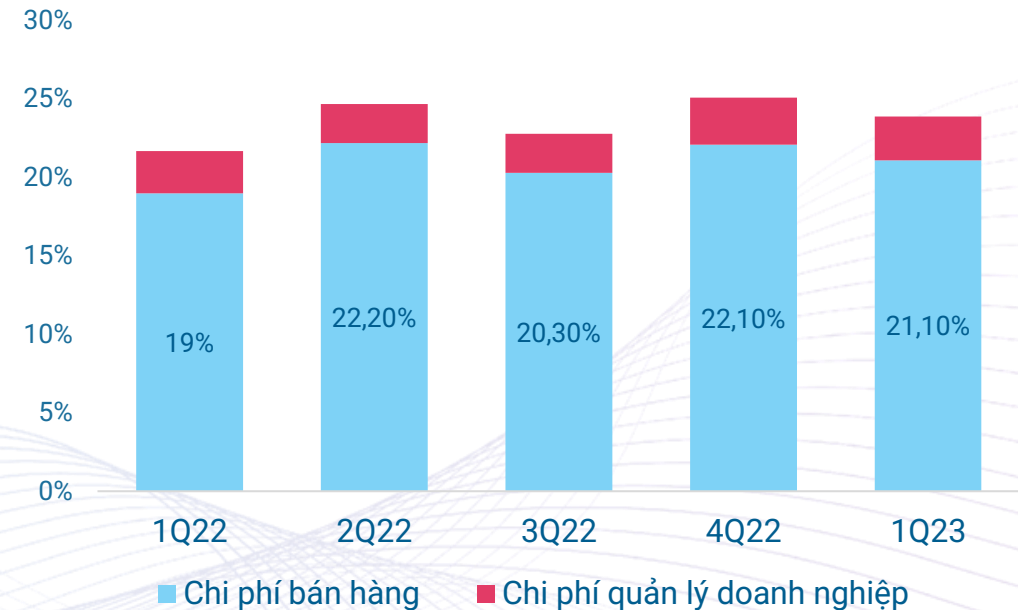
- Tại thời điểm 1H2023, biên lợi nhuận gộp của Vinamilk ghi nhận đạt 38,8%, do chịu ảnh hưởng từ (1) giá nguyên liệu chính vẫn ở mức cao (2) các chi phí sản xuất khác bị ảnh hưởng từ lạm phát tăng cao. Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp đạt hơn 3.300 tỷ đồng, tương đương khoảng 23,8% doanh thu của công ty. Doanh thu tài chính ghi nhận đạt 420 tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước nhờ khoản tiền gửi tại các ngân hàng duy trì ở mức cao, đồng thời lãi suất huy động cũng ở mức khá tốt trong thời gian vừa qua. Lợi nhuận trước thuế 1H2023 đạt 2.312 tỷ đồng, tương ứng với việc hoàn thành 22% kế hoạch năm. Tại thời điểm kết thúc quý I, số dư tiền rỗng của Vinamilk chiếm khoảng 24% tổng tài sản. Tỷ lệ nợ/tổng tài sản ở mức 14%, tăng 4% so với cuối năm 2022 (10%), tuy nhiên vẫn thấp so với 3 năm trước đó do công ty chủ động giảm bớt nợ vay trong bối cảnh lãi suất cho vay đang cao như hiện tại.
- Tỷ lệ nợ/tổng tài sản ở mức 14%, tăng 4% so với cuối năm 2022 (10%), tuy nhiên vẫn thấp so với 3 năm trước đó do công ty chủ động giảm bớt nợ vay trong bối cảnh lãi suất cho vay đang cao như hiện tại. Chúng tôi dự báo, lợi nhuận của Vinamilk sẽ đi ngang so với thời điểm 2023 do chịu tác động từ nhiều yếu tố

 - Thị trường sữa chịu sự cạnh tranh gay gắt đến từ nhiều ông lớn, khiến cho Vinamilk khó có thể tiếp tục tăng thị phần;
 - Trong ngắn hạn, nhu cầu của người tiêu dùng chưa thể tăng mạnh trở lại như trước dịch covid-19 do sức ép từ lạm phát vẫn đang còn lớn và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

BIỂU ĐỒ 10: LỢI NHUẬN GỘP HỢP NHẤT CỦA VINAMILK



BIỂU ĐỒ 11: CHI PHÍ BÁN HÀNG & QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

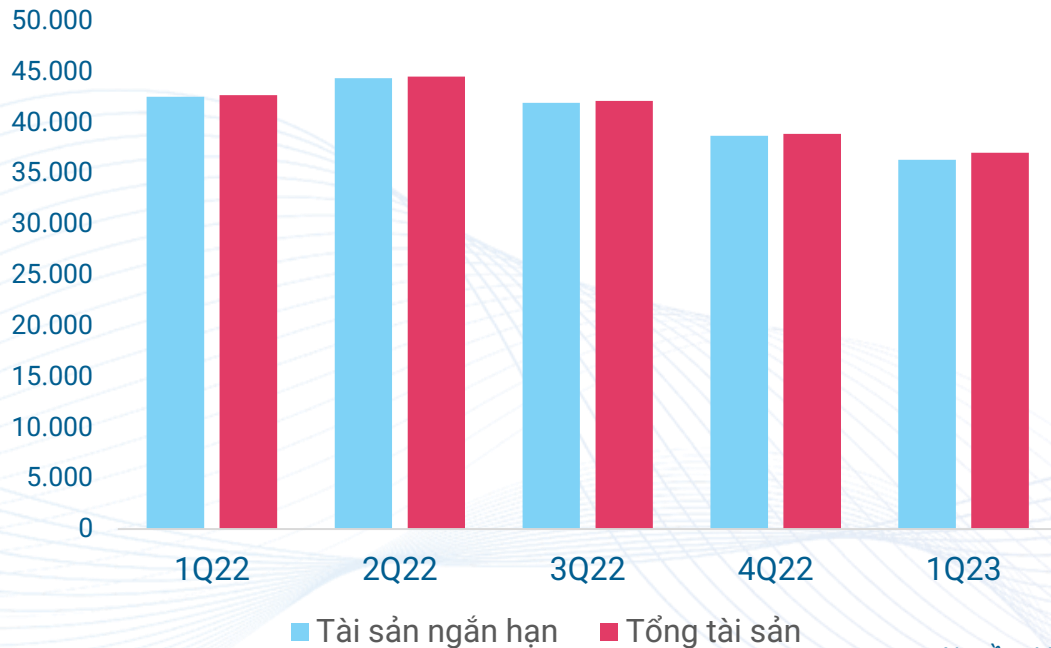


Nguồn: VietinBank Securities Research

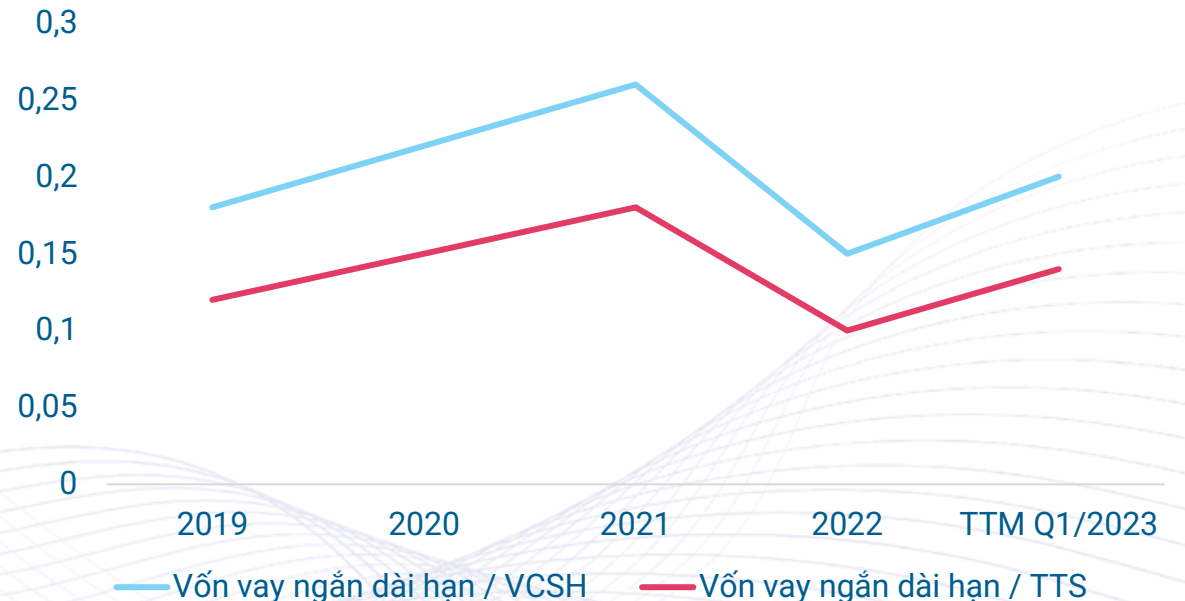
TỔNG TÀI SẢN TĂNG NHẸ SO VỚI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM 2022

- Tại thời điểm 1H2023, tổng tài sản Vinamilk ghi nhận đạt 49.264 tỷ đồng, trong đó phần lớn đến từ tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn (32.394 tỷ đồng). Trong danh mục các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của mình, Vinamilk có hơn 16.800 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn, những khoản đầu tư có tính rủi ro cao như đầu tư vào cổ phiếu, công ty đang dự phòng giảm giá khoảng 686 tỷ đồng so với mức giá ghi sổ là khoảng 1.154 tỷ đồng. Hàng tồn kho tăng nhẹ so với thời điểm cuối năm 2022, chủ yếu do sự gia tăng từ nguyên vật liệu để sản xuất sữa với giá trị ghi sổ đạt khoảng 4.174 tỷ đồng, mức dự phòng giảm giá là không đáng kể, khoảng 20 tỷ đồng.
- Bên kia bảng cân đối kế toán, phần lớn các khoản nợ của Vinamilk đến từ ngắn hạn với giá trị khoảng 14.754 tỷ đồng tính đến hết 1H2023, trong đó, khoản vay tài chính ngắn hạn đạt 6.870 tỷ đồng bằng VND và USD, chủ yếu từ ngân hàng Big4, cũng như các ngân hàng nước ngoài, phần lớn các khoản vay này không được đảm bảo. Vay dài hạn chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, trong đó có khoản vay trị giá 84 tỷ đồng từ ngân hàng HSBC Hoa Kỳ và được Vinamilk đảm bảo bằng tài sản có giá trị gốc khoảng 864.5 tỷ đồng.

BIỂU ĐỒ 12: CƠ CẤU TÀI SẢN CỦA VINAMILK



BIỂU ĐỒ 13: TỶ LỆ TÀI SẢN /VCSH & TTS



Dự báo kết quả kinh doanh năm 2023 và định giá cổ phiếu

Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá bao gồm phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFF và phương pháp so sánh chỉ số PE. Giá trị cổ phiếu được xác định ở mức 79.000 đồng. Doanh thu của Vinamilk ước tính đạt 62.350 tỷ đồng, gần bằng kế hoạch đặt ra của Vinamilk trong năm 2023. Lãi gộp tăng nhẹ hơn 25 nghìn tỷ đồng nhờ được hưởng lợi từ chi phí nguyên liệu sữa bột.

Chi phí bán hàng và doanh nghiệp tăng nhẹ so với năm 2022, do công ty tăng cường tiếp thị quảng cáo, marketing các sản phẩm mới, nhằm tăng doanh thu của công ty trên thị trường nội địa. Theo đó, chúng tôi ước tính lợi nhuận sau thuế của Vinamilk tăng nhẹ so với năm 2022, đạt khoảng 8.772 tỷ đồng, tương ứng với mức thu nhập trên mỗi cổ phiếu khoảng 4.130 đồng/cổ phiếu.

Mô hình định giá	Trọng số	Giá	Giá hiện tại	Premium
P/E	50%	80.500	68.800	17%
FCFF	50%	79.000	68.800	14%
Giá mục tiêu bình quân (đồng/cp)		79.700	68.800	15%

	2018	2019	2020	2021	2022	2023F
Doanh số thuần	52.562	56.318	59.636	60.919	59.956	62.350
Giá vốn hàng bán	-27.951	-29.746	-31.968	-34.641	-36.059	-36.787
Lãi gộp	24.611	26.572	27.669	26.278	23.897	25.564
Thu nhập tài chính	760	807	1.581	1.215	1.380	1.149
Chi phí tài chính	-118	-187	-309	-202	-618	-700
Trong đó: Chi phí lãi vay	-51	-109	-144	-89	-166	-112
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh (từ năm 2015)	22	-6	4	-45	-24	-24
Chi phí bán hàng	-12.266	-12.993	-13.447	-12.951	-12.548	-13.640
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-1.133	-1.396	-1.958	-1.567	-1.596	-1.700
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	11.877	12.797	13.539	12.728	10.491	10.672
Thu nhập khác	450	249	212	423	289	285
Chi phí khác	-275	-251	-233	-228	-285	-280
Thu nhập khác, ròng	175	-1	-21	195	4	50
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	0	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	12.052	12.796	13.519	12.922	10.496	10.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện thời	-1.875	-2.238	-2.311	-2.321	-1.956	-1.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	29	-3	28	31	38	31
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-1.846	-2.241	-2.283	-2.290	-1.918	-1.950
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	10.206	10.554	11.236	10.633	8.578	8.772
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-22	-27	137	100	62	50
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	10.227	10.581	11.099	10.532	8.516	8.772
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.295	5.478	4.770	4.517	3.632	4.130

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2023 thuộc về tác giả. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và tác giả không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của nhà đầu tư. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của tác giả.

NGÔ CÔNG BÌNH
Chuyên viên phân tích

 36 Đoàn Trần Nghiệp, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

 binhnc@cts.vn

 +84-0588-706-331